TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HN - ST
Ngày: 22 – 02 - 2024
"V/v Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C , TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Long.
2. Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023. Về tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST – HN ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoa C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Trần Văn Quốc V, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa C trình bày: Bà với ông Trần Văn Q Việt do quen biết, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Nữ trang cưới không có.

Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung bên chồng làm dâu, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường

xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông V ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự bà, có khi bạo hành bà, từ đó vợ chồng phát sinh bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, đi lại, quan hệ bạn bè, công việc làm ăn, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không tin tưởng nhau, gia đình cũng không hạnh phúc và đã không còn quan hệ tình cảm với nhau mặc dù vẫn sống chung nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Quốc V.

- *Về con chung*: Tên Trần Nguyễn Khoa N, sinh 16/3/2003 đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết; Trần Nguyễn Ngọc H, sinh 12/11/2011 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh 12/11/2011; khi ly hôn, bà C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng/cháu.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà C khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Trần Văn Quốc V vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa C.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hoa C với ông Trần Văn Quốc V được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Trần Nguyễn Khoa N, sinh 16/3/2003 đã trưởng thành đề nghị không xem xét; Trần Nguyễn Ngọc H, sinh 12/11/2011 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh 12/11/2011; khi ly hôn, giao bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và ông V có nghĩa vụ cấp nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu phải trả: không có, đề nghị không xem xét.

5. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hoa C là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; ông Trần Văn Quốc V là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà C và ông V có nơi cư trú tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà C và ông V xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 1048 ngày 03/11/2002. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà C với ông V là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà C cho rằng do ông V hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm danh dự và hành hun bà, từ đó mà vợ chồng không còn tình cảm với nhau, gia đình cũng không hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương, cũng như gia đình của ông V cung cấp thì nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà C phải ly hôn là do ông V hay ghen tuông nên dẫn đến việc xảy ra cự cãi nhau thường xuyên, có lần ông V đánh bà C thương tích gia đình phải đưa vào bệnh viện. Xét thấy vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc, mà đằng này ông V và bà C lại không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ

dẫn đến vấn đề gây thương tích. Và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà C cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, hàn gắn không hạnh phúc.Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C với ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Cho bà C và ông V được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Đối với Trần Nguyễn Khoa N, sinh 16/3/2003 đã trưởng thành bà C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Đối với Trần Nguyễn Ngọc H, sinh 12/11/2011 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh 12/11/2011; khi ly hôn bà C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; xét thấy căn cứ vào lời khai thì nguyện vọng của cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1 muốn được tiếp tục sống với bà C. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cũng như phù hợp với nguyện vọng cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1. Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C yêu cầu ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1 mỗi tháng 1.500.000đồng/cháu. Xét thấy ông V không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Về mức cấp dưỡng nếu đương sự không thỏa thuận được thì căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của ông V và nhu cầu thiết yếu để đảm bảo cho cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1, cũng như chi phí ăn học cho các cháu. Hiện bà C và ông V đều không có thu nhập ổn định nên mức yêu cầu 1.500.000đồng/tháng/cháu là cao so với thu nhập của ông V; tuy nhiên để đảm bảo cho cháu Ngọc H1 và cháu Ngọc H được duy trì việc học hành, nên buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu, cấp dưỡng cho đến khi cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1 tròn 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C và ông V có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa C.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoa C và ông Trần Văn Quốc V được ly hôn.

2. Về con chung: Đối với Trần Nguyễn Khoa N, sinh 16/3/2003 đã trưởng thành nên không xem xét; Đối với Trần Nguyễn Ngọc H, sinh 12/11/2011 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh 12/11/2011 giao bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn với ông V.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Văn Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Ngọc H, sinh 12/11/2011 mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh 12/11/2011 mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng); cấp cho đến khi cháu Ngọc H và cháu Ngọc H1 tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoa C có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0013968 ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được khấu trừ số tiền án phí mà bà C có nghĩa vụ chịu, do đó bà C không phải nộp.

Ông Trần Văn Quốc V có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh